

KIỂM SOÁT CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH THỰC THI HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - EU: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CỦA NƯỚC MẮM PHÚ QUỐC

Mã số: 94.3IIE.M.32

Vũ Xuân Trường

Trường Đại học Thương mại
Email: truong2203@gmail.com

Lê Thị Thu Hà

Trường Đại học Ngoại thương
Email: hachautu@yahoo.com

Ngày nhận: 27/04/2016

Ngày nhận lại: 04/05/2016

Ngày duyệt đăng: 10/5/2016

Một trong những vấn đề về Sở hữu trí tuệ tốn khá nhiều công sức trong quá trình đàm phán các Hiệp định thương mại tự do nói chung và Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) nói riêng là vấn đề bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Việt Nam sẽ công nhận và bảo hộ cho 171 chỉ dẫn địa lý của EU và EU sẽ công nhận và bảo hộ cho 41 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Đến nay, Việt Nam có 42 chỉ dẫn địa lý đã được đăng ký bảo hộ, tuy nhiên mới chỉ có duy nhất nước mắm Phú Quốc là có hệ thống kiểm soát, vì vậy, việc được bảo hộ ở thị trường EU, nơi có lịch sử bảo hộ tên gọi, xuất xứ và chỉ dẫn địa lý lâu đời nhất với các quy định tương đối hoàn thiện và yêu cầu thực thi cao, vừa là cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức cho chỉ dẫn địa lý của Việt Nam nói chung và nước mắm Phú Quốc nói riêng.

Bài viết giới thiệu về Hệ thống kiểm soát theo quy định của EU (1) và tổng quan kiểm soát chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam (2), phân tích quy trình kiểm soát của nước mắm Phú Quốc (3), từ đó chỉ ra những thách thức với chỉ dẫn địa lý Phú Quốc (4) và một số kiến nghị nhằm thực hiện việc kiểm soát chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam.

Từ khóa: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU, Kiểm soát chỉ dẫn địa lý.

1. Cơ sở lý thuyết kiểm soát chỉ dẫn địa lý theo đối sánh quy định của EU

Kiểm soát chỉ dẫn địa lý là quy trình thực hiện các "cam kết" giữa chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý với Nhà nước. Trong đó, Nhà nước công nhận và trao đặc quyền cho các chủ thể, đổi lại các chủ thể quyền đối với chỉ dẫn địa lý cam kết cung cấp cho thị trường các sản phẩm có nguồn gốc địa lý xác định đạt các tiêu chí về chất lượng, danh tiếng và đặc tính được đưa ra trong Bản mô tả. Vì vậy, kiểm soát chỉ dẫn địa lý chính là quy trình được thực hiện bởi cả Nhà nước và cả chủ thể quyền nhằm đảm bảo cam kết các bên về bảo hộ chỉ dẫn địa

lý được thực thi. Hay nói cách khác đó chính là quá trình kiểm tra ở các cấp độ khác nhau nhằm đảm bảo sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được đưa ra thị trường tuân thủ các tiêu chí nêu tại Bản mô tả. Như vậy, kiểm soát chỉ dẫn địa lý là khâu không thể thiếu trong một quy trình bảo hộ chỉ dẫn địa lý nhằm đạt đến mục tiêu của nó là khuyến khích sự phát triển của các sản phẩm có chất lượng đảm bảo gắn liền với nguồn gốc xuất xứ xác định. Đây chính là biện pháp bảo vệ chống lại sự giả mạo nguồn gốc xuất xứ, lợi dụng danh tiếng của các sản phẩm nổi tiếng nhằm trục lợi bất chính.

Hệ thống kiểm soát chỉ dẫn địa lý theo quy định của EU được thực hiện ở bốn cấp độ: tự kiểm soát, kiểm soát nội bộ, kiểm soát độc lập và kiểm soát ngoại vi.

Tự kiểm soát: việc tự kiểm soát được thực hiện bởi chính các hộ sản xuất. Mặc dù các cơ sở sản xuất phải tuân theo Quy trình sản xuất có kiểm soát đã được quy định trong hồ sơ đăng bạ mỗi được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý. Ngay cả khi yêu cầu này đã được đáp ứng, thì chất lượng sản phẩm của các nhà sản xuất đó cũng ở mức độ khác nhau. Việc tự quản lý tại các cơ sở sản xuất nhằm đảm bảo không chỉ danh tiếng chung của chỉ dẫn địa lý mà còn cả danh tiếng cá nhân cho các hộ sản xuất, tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm so với chính các sản phẩm cùng loại trong khu vực.

Kiểm soát nội bộ: việc kiểm soát nội bộ được thực hiện bởi Tổ chức tập thể các nhà sản xuất địa phương. Tổ chức này có nhiệm vụ: tiến hành kiểm tra về nguồn gốc nguyên liệu; định hướng, kiểm tra, giám sát về sản xuất, chế biến và chất lượng sản phẩm; xác nhận cho sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ; giám sát việc tuân thủ các quy định trong sản xuất, chế biến; kiểm soát việc chuyển nhượng quyền sử dụng giữa hộ sản xuất và hộ chế biến, hộ thương mại. Trong đó, việc cấp phép sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các nhà sản xuất là công việc quan trọng, được tiến hành ngay khi chuẩn bị hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý.

Ở EU, vai trò của tổ chức tập thể các nhà sản xuất thực sự được phát huy, thể hiện ở các đặc điểm: là một tổ chức mở, một tổ chức chuyên nghiệp và dân chủ, không bị chính trị hóa và hành chính hóa, được sự hỗ trợ tích cực của nhà nước đối với tổ chức tập thể về thương mại, thị trường, tài chính: máy móc, thiết bị, tài chính hoạt động thường xuyên.

Kiểm soát độc lập: kiểm soát độc lập là một yêu cầu bắt buộc theo quy chế Hội đồng của EU. Trước kia, kiểm soát độc lập do cơ quan có thẩm quyền nhà nước thực hiện nhưng từ năm 2006, EU cho phép các tổ chức tư nhân tham gia hoạt động này với điều kiện các tổ chức tư nhân này được Cơ quan Quốc gia về xuất xứ và chất lượng chứng

nhận đủ thẩm quyền thực hiện. Các tổ chức chứng nhận này phải đáp ứng Tiêu chuẩn châu Âu EN 45011 hoặc ISO 65. Trong hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý ở Liên minh châu Âu luôn bắt buộc phải có thông tin về tổ chức chứng nhận. Theo đó người nộp đơn có thể lựa chọn bất kỳ tổ chức chứng nhận nào đạt các tiêu chuẩn nói trên để thực hiện việc kiểm soát độc lập đối với chỉ dẫn địa lý của mình. Ủy ban châu Âu sẽ công bố tên, địa chỉ của tổ chức chứng nhận này cùng với các thông tin về chỉ dẫn địa lý dự định được bảo hộ trên trang chính thức của Ủy ban Nông nghiệp châu Âu. Chi phí cho việc kiểm soát độc lập được chủ sở hữu các chỉ dẫn địa lý trả cho các tổ chức chứng nhận. Các chi phí này được ước tính chiếm khoảng 1,2 lần giá thành của sản phẩm. Đối với các nước thứ ba (nằm ngoài Liên minh châu Âu) như Việt Nam thì việc kiểm tra sự tuân thủ bản mô tả, trước khi đưa sản phẩm ra thị trường Liên minh châu Âu có hai lựa chọn đó là hoặc sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền được Nhà nước chỉ định hoặc sẽ được thực hiện bởi tổ chức chứng nhận. Các cơ quan có thẩm quyền được chỉ định hoặc các tổ chức chứng nhận được chọn để kiểm tra sự tuân thủ bản mô tả phải có đủ nguồn lực để thực hiện chức năng của mình và đảm bảo tính khách quan, trung thực. Trong hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý của các sản phẩm có xuất xứ ở nước thứ ba cũng cần phải nêu rõ thông tin về tổ chức kiểm soát chỉ dẫn địa lý. Các thông tin này cũng sẽ được công bố trên trang chính thức của Ủy ban Nông nghiệp châu Âu. Do vậy, các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam dù được bảo hộ theo cách đăng ký trực tiếp ở Ủy ban Nông nghiệp châu Âu (nước mẫu Phú Quốc) hay bảo hộ theo Hiệp định thương mại tự do như 41 chỉ dẫn địa lý còn lại cũng đều phải công bố các thông tin về tổ chức kiểm soát độc lập như một yêu cầu bắt buộc.

Kiểm soát ngoại vi: hoạt động kiểm soát ngoại vi tập trung vào khâu lưu thông và khai thác thương mại các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý nhằm phát hiện ra hàng giả hoặc không đáp ứng yêu cầu chất lượng sản phẩm. Việc kiểm soát ngoại vi thường do các tổ chức công thực hiện,

như Viện quốc gia về xuất xứ và chất lượng (là cơ quan đầu mối, có chức năng quản lý bên ngoài đối với tất cả các chỉ dẫn địa lý, trao quyền sử dụng và quyết định khả năng sử dụng chỉ dẫn địa lý), Hải quan (quản lý số lượng và các thống kê ngoại thương), Cục cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại (thực hiện chức năng kiểm tra xuất xứ thật của hàng hóa nếu xét thấy có sự vi phạm, kiểm tra sự tuân thủ quy trình sản xuất theo yêu cầu của thực tế, kiểm tra việc sử dụng nhãn mác đã đăng ký), Bộ Nông nghiệp (Vụ sản xuất và thương mại, kiểm tra sản lượng và các quan hệ quốc tế), Viện Sở hữu trí tuệ quốc gia (phụ trách quan hệ quốc tế về nhãn hiệu và tên gọi xuất xứ), Vụ Quan hệ đối ngoại (phụ trách quan hệ với cộng đồng Châu Âu)...

Nhìn chung, hoạt động kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý được triển khai ở EU theo một số nguyên tắc nhất định:

- Việc kiểm soát được tiến hành độc lập và không nhầm lẫn với các cơ chế kiểm tra hành chính khác của các cơ quan như: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thú y, phúc lợi xã hội, các cơ sở pha chế thực phẩm, người bán thực phẩm, các quy tắc vệ sinh tại các cơ sở giết mổ, vận chuyển và xử lý thực phẩm, các chất phụ gia, chất lượng nước...

- Các tổ chức thực hiện chức năng kiểm tra phải có đủ năng lực và trình độ để đảm bảo tính khách quan và công bằng đối với tất cả các nhà sản xuất và chế biến trong khu vực địa lý được kiểm soát.

- Nội dung kiểm tra chỉ bao gồm những khía cạnh đặc thù, riêng biệt và quyết định đến chất lượng đặc thù của sản phẩm.

Chính hệ thống kiểm soát chỉ dẫn địa lý của EU một cách quy chuẩn và chặt chẽ cũng góp phần làm nên danh tiếng các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý của khu vực này. Hiện Châu Âu đã bảo hộ cho 1.181 chỉ dẫn địa lý cho nông nghiệp và 1.298 chỉ dẫn địa lý cho rượu vang và rượu mạnh.

2. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

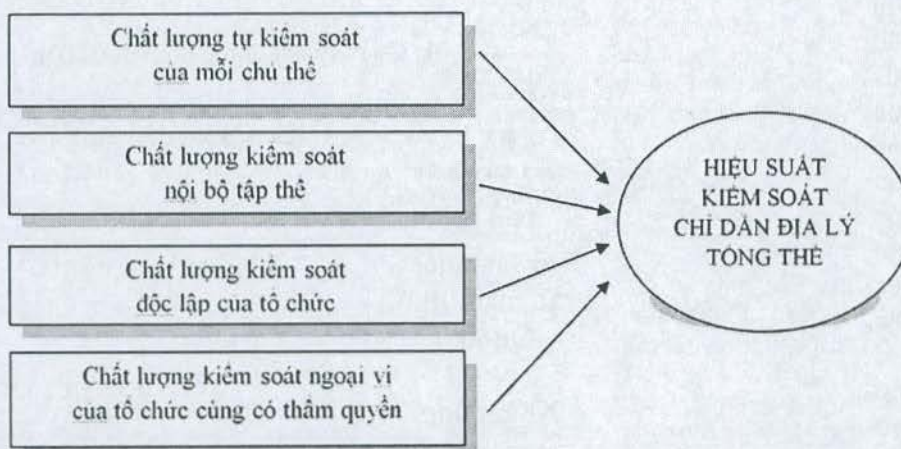
Từ cơ sở lý thuyết theo đối sánh quy định của EU trên cơ sở đó có thể xác lập mô hình nghiên cứu sau (xem hình 1):

Phương pháp nghiên cứu: do điều kiện nghiên cứu hữu hạn chưa cho phép phát triển và kiểm định thang đo nghiên cứu các yếu tố/thành phần kiểm soát chỉ dẫn địa lý tổng thể nên nghiên cứu này chủ yếu vận dụng phương pháp phân tích mô tả và đối sánh với các quy định, chuẩn mực của EU đã nêu trong mục 1, từ đó khái quát hóa và đưa ra một số hàm ý với vấn đề nghiên cứu.

3. Thực trạng về kiểm soát chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam

Một là, về các quy định pháp lý

Hiện nay, Việt Nam chưa có các quy định cụ thể về kiểm soát chỉ dẫn địa lý. Trong toàn bộ các quy định về chỉ dẫn địa lý, chỉ có Điều 106, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 đề cập đến việc Bản mô tả chỉ dẫn địa lý cần có các thông tin về cơ chế tự kiểm tra các tính chất, chất lượng



Nguồn: Tổng hợp của các tác giả

Hình 1: Mô hình nghiên cứu kiểm soát chỉ dẫn địa lý với các sản phẩm đăng ký và/hoặc được công nhận

đặc thù của sản phẩm. Các yêu cầu về việc kiểm soát độc lập đối với các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đều chưa được quy định trong bất kỳ một văn bản quy phạm pháp luật nào của Việt Nam. Chính vì vậy, về mặt pháp lý, việc kiểm soát độc lập đối với chỉ dẫn địa lý chưa là một yêu cầu bắt buộc. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, khi 41 chỉ dẫn địa lý được bảo hộ ở Châu Âu, việc công bố các thông tin về tổ chức kiểm soát độc lập là một yêu cầu bắt buộc, vì vậy, nội dung phân tích thực tiễn kiểm soát chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam đi sâu vào phân tích hoạt động kiểm soát độc lập.

Hai là, về thực tiễn triển khai

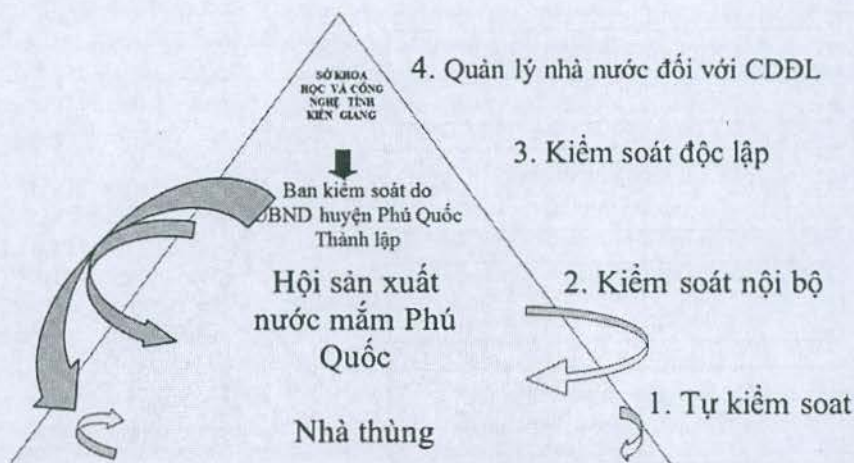
Trong số 42 chỉ dẫn địa lý được bảo hộ ở Việt Nam hiện nay, mới chỉ có 01 chỉ dẫn địa lý (nước mắm Phú Quốc) đã thực hiện khâu kiểm soát độc lập và thực tế đã có sự phân cấp trong khâu quản lý và kiểm soát; 41 chỉ dẫn địa lý đã được cấp giấy chứng nhận còn lại đều chưa thực hiện khâu kiểm soát độc lập. Trong số 41 chỉ dẫn địa lý này, cũng chỉ có một số được quản lý bởi tổ chức tập thể theo đúng bản chất của một quyền sở hữu trí tuệ tập thể. Số còn lại hoặc chưa có tổ chức tập thể hoặc có tổ chức tập thể nhưng chưa thực hiện đúng chức năng quản lý.

Đối với nhóm chưa có tổ chức tập thể, việc quản lý chỉ dẫn địa lý nói chung do cơ quan chức năng thực hiện như UBND huyện Nga Sơn (cói Nga Sơn), UBND tỉnh Bạc Liêu (gạo Hồng Dân), UBND huyện Trùng Khánh (hạt dẻ Trùng Khánh)... Điều này có nghĩa là cơ quan quản lý, lẽ ra phải thực hiện chức năng quản lý, kiểm soát bên ngoài lại thực hiện trực tiếp hoạt động liên quan đến chỉ dẫn địa lý. Chính vì vậy, chưa có hoạt động quản lý nhà nước theo đúng bản chất là quản lý từ bên ngoài đối với các chỉ dẫn địa lý này.

Đối với nhóm có tổ chức tập thể nhưng tổ chức này chưa thực sự tham gia vào quá trình quản lý chỉ dẫn địa lý, đó là các trường hợp của Hội Sản xuất kinh doanh và chế biến chè Shan Tuyết Mộc Châu, Hội Sản xuất và Chế biến hồi Lạng Sơn, Hội Sản xuất và chế biến quế Văn Yên, Hội Sản xuất và tiêu thụ chuối ngự Đại Hoàng... Các tổ chức này, dù được công nhận về mặt pháp lý nhưng trên thực tế vai trò của họ khá mờ nhạt do các tổ chức tập thể này bị hành chính hóa và chính trị hóa, chỉ dừng lại ở các quy định do các Cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương ban hành, hoạt động quản lý bên ngoài và hoạt động quản lý bên trong bị lẫn lộn.

Ba là, về kiểm soát chỉ dẫn địa lý Phú Quốc

CDDL "Phú Quốc" cho sản phẩm nước mắm là CDDL đầu tiên của Việt Nam được bảo hộ vào năm 2001 dưới hình thức bảo hộ tên gọi, xuất xứ hàng hóa. Sau đó CDDL Phú Quốc cũng được giao cho Hiệp hội nước mắm Phú Quốc quản lý và cấp quyền sử dụng theo Quy chế quản lý và sử dụng CDDL Phú Quốc, ban hành theo Quyết định số 2482/QĐ-UBND (10/2008). Đồng thời Ban Kiểm soát nước mắm Phú Quốc cũng đã được thành lập năm 2010 để hoàn thiện hệ thống quản lý và kiểm soát CDDL phù hợp với các quy định của Liên minh châu Âu sau khi nước mắm Phú



Nguồn: Các tác giả khảo sát và tổng hợp số liệu cung cấp bởi Sở KH-CN Kiên Giang

Hình 2 : Mô hình quản lý và kiểm soát CDDL Phú Quốc

Quốc trở thành tên gọi xuất xứ (PDO) đầu tiên của Việt Nam được bảo hộ tại Liên minh châu Âu.

Đến nay, sau 5 năm triển khai thực hiện, hệ thống quản lý và kiểm soát CDĐL nước mắm Phú Quốc đã có sự phân cấp rõ ràng về mức độ và phạm vi. Cụ thể:

Quản lý nhà nước: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kiên Giang là tổ chức quản lý CDĐL, có chức năng ban hành các quy định về quản lý; cấp, gia hạn và thu hồi quyền sử dụng CDĐL. Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kiên Giang là cơ quan chuyên môn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành các Quy định về Quản lý và sử dụng CDĐL Phú Quốc, giám sát việc thực thi các quy định này, xử lý các hành vi xâm phạm quyền đối với CDĐL Phú Quốc. Cụ thể, Sở Khoa

học và Công nghệ tỉnh Kiên Giang đã cấp quyền sử dụng CDĐL Phú Quốc cho 70 cơ sở sản xuất. Bộ phận thanh tra thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kiên Giang đã phối hợp với các tỉnh trong cả nước để phát hiện các hành vi xâm phạm quyền đối với CDĐL Phú Quốc, nhắc nhở các trường hợp vi phạm và xem xét đề nghị thực thi các hình phạt trong trường hợp không chấp hành yêu cầu thu hồi sản phẩm vi phạm.

Kiểm soát độc lập: Ban Kiểm soát CDĐL có chức năng xây dựng kế hoạch kiểm soát, kiểm tra và xác minh việc đáp ứng các điều kiện sử dụng CDĐL của các nhà thùng làm cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kiên Giang cấp quyền sử dụng CDĐL đồng thời kiểm tra định kỳ theo kế hoạch kiểm soát đã được phê duyệt, quản lý và

Bảng 1: Quy định về các yếu tố bắt buộc kiểm soát trong Kế hoạch kiểm soát chỉ dẫn địa lý Phú Quốc cho sản phẩm nước mắm

Yếu tố phải kiểm soát	Tự kiểm soát	Kiểm soát nội bộ	Kiểm soát bên ngoài
1. Nguyên liệu			
- Vùng nguyên liệu	x		
- Tỷ lệ cá cơm trong nguyên liệu ngâm ủ	x	x	x
- Loại muối sử dụng	x		
2. Dụng cụ chế biến, vật liệu chứa đựng			
- Chất liệu thùng ngâm ủ	x	x	x
- Thùng, dụng cụ chứa, đựng nước mắm	x		
3. Phương pháp chế biến			
- Quy định kỹ thuật ủ chượp	x		
- Thời gian ngâm ủ	x	x	x
- Kỹ thuật kéo rút nước mắm	x		
- Kỹ thuật pha đấu nước mắm	x		
- Đóng gói nước mắm	x		
4. Sử dụng tem, nhãn	x	x	x
5. Chất lượng nước mắm		(*)	(*)
- Độ đậm	x	x	x
- Màu sắc	x	x	x
- Mùi	x	x	x
- V _i	x	x	x

Ghi chú: "x": Phải tổ chức kiểm soát,

"*": Phải kiểm soát khi có dấu hiệu vi phạm, hoặc có tranh chấp, khiếu nại)

Nguồn: UBND tỉnh Kiên Giang, Phụ lục 6 - Quy định về quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý Phú Quốc cho sản phẩm nước mắm

cấp phát tem CDĐL cho các sản phẩm đủ điều kiện sử dụng CDĐL, thu kinh phí kiểm soát CDĐL theo quy định. Ban Kiểm soát CDĐL độc lập về tổ chức, nhân sự, kinh phí hoạt động với các Hội Sản xuất nước mắm Phú Quốc và các cá nhân, tổ chức khác sản xuất kinh doanh nước mắm Phú Quốc, bao gồm 01 trưởng ban, 02 phó trưởng ban và 04 thành viên. Kinh phí hoạt động của Ban kiểm soát được trích từ lệ phí cấp tem CDĐL của các doanh nghiệp nộp. Kế hoạch kiểm soát: tần suất kiểm tra của Ban kiểm soát là 1 lần/1 năm. Các yếu tố bắt buộc trong kế hoạch kiểm soát chỉ dẫn địa lý Phú Quốc cho sản phẩm nước mắm như sau:

Với sản lượng nước mắm sản xuất ra ở khu vực này mỗi năm khoảng 30 triệu lít, doanh thu khoảng hơn 600 tỷ đồng, tính đến ngày 25/6/2014, có khoảng 70 doanh nghiệp được cấp quyền sử dụng CDĐL. Riêng năm 2014, Ban Kiểm soát CDĐL đã cấp được 888.400 tem CDĐL cho các cơ sở sản xuất. Từ 01/01/2015 đến 15/10/2015, 1.336.790 tem CDĐL cũng đã được cấp, tăng hơn 1,5 lần so với tổng số tem cấp được trong cả năm 2014.

Kiểm soát nội bộ: Hội Nước mắm Phú Quốc có chức năng thành lập ban kiểm soát nội bộ, lập kế hoạch và kiểm tra định kỳ hoạt động sản xuất của hội viên. Hiện nay, Hội nước mắm Phú Quốc đã ban hành Quy chế kiểm soát nội bộ và tiến hành kiểm soát định kỳ đối với hoạt động sản xuất của các hội viên. Theo Quy chế này, Hội sản xuất nước mắm Phú Quốc có trách nhiệm thành lập Ban kiểm soát nội bộ và tiến hành kiểm soát định kỳ đối với tỷ lệ cá cơm để sản xuất nước mắm, chất liệu thùng ngâm ủ nguyên liệu, thời gian ngâm ủ, việc gắn tem, nhãn và chất lượng cảm quan của nước mắm. Tuy nhiên, do Hội sản xuất nước mắm Phú Quốc không trực tiếp cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, vì vậy trong thực tế việc kiểm soát do Hội thực hiện cũng chỉ mới mang tính hình thức.

Tự kiểm soát: ngoài ba cấp kiểm soát nói trên, quá trình tự kiểm soát bởi chính các cá nhân, tổ chức được cấp quyền sử dụng CDĐL như tổ chức quản lý theo thùng ủ chượp, quy định mã số thùng, ghi chép, theo dõi quy trình sản xuất và

chất lượng thành phẩm; theo dõi việc sử dụng tem, nhãn theo quy định; kiểm soát, đánh giá cảm quan, phân tích chất lượng (khi có nghi ngờ) vẫn được tiến hành thường xuyên. Tuy nhiên, hiện nay các cơ sở sản xuất nước mắm Phú Quốc gặp khó khăn trong việc nếu tuân thủ đầy đủ các quy định sản xuất theo Bản mô tả sản phẩm thì giá thành sản phẩm lại khá cao, đòi hỏi được phân phối tại phân khúc thị trường cao cấp trong khi nhiều cơ sở chưa đủ năng lực để phát triển kênh phân phối này. Bài toán về việc thiếu nguyên liệu cá cơm, đóng chai sản phẩm tại nơi sản xuất... cũng đang là các vấn đề mà các cơ sở sản xuất nước mắm Phú Quốc phải tính đến khi sản xuất sản phẩm chỉ dẫn địa lý.

Bốn là, một số vấn đề đặt ra trong quản lý và kiểm soát chỉ dẫn địa lý của Việt Nam và chỉ dẫn địa lý Phú Quốc

Đặc trưng của hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý chính là việc quản lý không chỉ ở khâu sản xuất, từ nguồn nguyên liệu đầu vào, kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất... mà còn quản lý cả kênh phân phối và tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, đối với các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, điều này khó có thể thực hiện được vì các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý thường là những sản phẩm mang tính thời vụ như trái cây; đối tượng sử dụng không rộng rãi như nước mắm; năng lực cạnh tranh chưa cao... Do đó, việc kiểm soát các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý trong phân phối gần như không có ở cả bốn cấp độ. Đối với sản phẩm nước mắm Phú Quốc, mặc dù bước đầu đã thiết lập được hệ thống quản lý và kiểm soát và có sự phân cấp về phạm vi, mức độ kiểm soát. Tuy nhiên, việc kiểm soát trong phân phối vẫn nằm ngoài khả năng của hệ thống.

Bên cạnh đó, tổ chức tập thể của các nhà sản xuất chỉ dẫn địa lý hoặc mới thành lập nên chưa có kinh nghiệm quản lý, hoặc đã tồn tại nhưng trên thực tế chưa hiệu quả, thể hiện ở các điểm sau:

- Sự yếu kém các hoạt động tập thể trong tổ chức sản xuất, chế biến, thương mại khiến cho quy trình sản xuất giữa các cơ sở trong tổ chức không đồng nhất, sản phẩm sản xuất ra không được kiểm

soát, không có hồ sơ theo dõi quá trình chế biến, sản xuất, việc sử dụng nhãn mác, chủng loại sản phẩm đưa ra thị trường không có sự thống nhất... Một trong những điểm yếu không chỉ của tổ chức tập thể chỉ dẫn địa lý nói riêng mà của các tổ chức tập thể nói chung ở Việt Nam đó chính là tính cộng đồng, sự gắn kết của ban lãnh đạo và những thành viên trong tổ chức tập thể rất yếu. Đối với Hội sản xuất nước mắm Phú Quốc, mặc dù được sự hỗ trợ rất lớn từ các dự án như MUTRAP, tuy nhiên Hội sản xuất nước mắm Phú Quốc vẫn chưa thực sự chứng minh được vai trò và năng lực trong hệ thống quản lý CDĐL. Chính vì vậy, đến nay việc cấp quyền sử dụng CDĐL vẫn do Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chứ không phải do Hội đảm nhiệm.

- Hạn chế về kiến thức chuyên môn và khả năng quản lý: Chỉ dẫn địa lý là một khái niệm pháp lý khá mới mẻ, bản thân lãnh đạo tổ chức tập thể cũng như các thành viên cũng rất hạn chế về mặt hiểu biết những quy định này. Ngoài ra, việc quản lý tổ chức tập thể khá phức tạp do quan điểm cũng như các thành phần tham gia trong tổ chức không đồng nhất với nhau. Vì vậy, các tổ chức tập thể gặp nhiều khó khăn trong quyết định và điều phối hoạt động sản xuất của các cơ sở sản xuất, đồng thời không thể tập hợp được ý kiến, nhu cầu của các thành viên. Điều này gây cản trở cho các hành động tập thể của họ trong thực thi những quy định về chỉ dẫn địa lý. Kết quả phỏng vấn bà Nguyễn Thị Tịnh, chủ tịch Hội nước mắm Phú Quốc cho thấy số lượng hội viên Hội nước mắm Phú Quốc có chiều hướng giảm từ trên 90 hội viên (năm 2010) đến nay còn 83 hội viên.

- Ảnh hưởng của các thủ tục hành chính: việc quy định chỉ dẫn địa lý là tài sản của nhà nước, thuộc sở hữu của nhà nước, vì vậy, sau khi một chỉ dẫn địa lý được đăng bạ thường được các cấp chính quyền, các bộ ngành rất quan tâm và muốn tham gia vào quản lý khiến cho hoạt động này trở nên phức tạp. Trong một số trường hợp, sự can thiệp quá mức cần thiết của chính quyền địa phương đã dẫn đến tình trạng cơ cấu tổ chức hoạt động của Tổ chức tập thể mất đi tính dân chủ và

quyền quyết định của các thành viên, làm giảm tính chủ động của các thành viên và làm giảm uy tín và vai trò của người lãnh đạo tổ chức tập thể. Vì vậy, kinh nghiệm phát triển tổ chức tập thể như một tổ độc lập về chính trị, không bị hành chính hóa như ở các quốc gia Châu Âu đã không thể thực hiện được ở Việt Nam.

4. Đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện kiểm soát chỉ dẫn địa lý được bảo hộ của Việt Nam

Có thể nói việc hình thành hệ thống kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý được bảo hộ của Việt Nam là một yêu cầu bắt buộc và có tính cấp thiết. Tuy nhiên, để hình thành được hệ thống kiểm soát chất lượng này cần phải có một lộ trình cụ thể. Trong phạm vi bài viết này, tác giả xin đề xuất một số giải pháp cơ bản mang tính định hướng nhằm hình thành hệ thống kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý được bảo hộ như sau:

- Cần hoàn thiện khung pháp lý về chỉ dẫn địa lý, trong đó bổ sung thêm các quy định về kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ. Theo đó, Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật khác cần phải bổ sung thêm các quy định về việc kiểm soát chất lượng, trong đó việc kiểm soát chất lượng nhằm đảm bảo chỉ dẫn địa lý tuân thủ bản mô tả được thực hiện bởi một tổ chức độc lập phải là một yêu cầu bắt buộc. Ngoài ra, cũng cần có các quy định cụ thể về các tiêu chuẩn của tổ chức kiểm soát độc lập cũng như các điều kiện và hành lang pháp lý để các tổ chức này hoạt động.

- Cần thành lập các Ban kiểm soát độc lập đối với các chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ. Trước mắt, các Ban kiểm soát độc lập này cần được sự hỗ trợ từ phía chính quyền để có đủ các nguồn lực cần thiết nhằm duy trì hoạt động.

- Song song với việc thành lập các Ban kiểm soát độc lập đối với các chỉ dẫn địa lý, cần xây dựng các tổ chức chứng nhận độc lập đạt tiêu chuẩn EN 45011 hoặc ISO 65. Đây là một trong những giải pháp cốt lõi, tuy nhiên để thực hiện được giải pháp này cần có thời gian và lộ trình lâu dài. Theo đó, các tổ chức chứng nhận độc lập sẽ

thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm soát độc lập. Chi phí kiểm soát sẽ do các tổ chức tập thể trả. Tuy nhiên, để xây dựng được các tổ chức chứng nhận trước hết cần có hành lang pháp lý cụ thể để các tổ chức này hoạt động. Ngoài ra, để các tổ chức chứng nhận có thể thực hiện được hoạt động kiểm soát độc lập dưới hình thức cung cấp dịch vụ thì các tổ chức tập thể cần có đủ các nguồn lực cần thiết và sẵn sàng trả phí cho hoạt động kiểm soát.

- Để thực hiện được khâu kiểm soát độc lập trước mắt cần phải thực hiện tốt khâu kiểm soát nội bộ và củng cố, nâng cao năng lực của các tổ chức tập thể. Trong điều kiện năng lực của các tổ chức tập thể còn yếu chưa thể đảm nhận được khâu quản lý và kiểm soát nội bộ đối với chỉ dẫn địa lý thì việc các cơ quan nhà nước đóng vai trò là tổ chức quản lý như hiện nay giúp đảm bảo tính công bằng trong quy trình cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, thực hiện quyền sở hữu của nhà nước đối với chỉ dẫn địa lý. Tuy nhiên, điều này khiến cho các tổ chức tập thể/hiệp hội sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý thiếu tính tự chủ, nặng tâm lý thụ động dẫn đến việc các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý chưa thực sự phát huy hết được các lợi thế. Hầu hết tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý đều không có chiến lược để phát triển sản phẩm, không có kế hoạch kiểm soát, không có các hướng dẫn cụ thể trong việc thành lập hệ thống sổ sách để theo dõi nhằm truy xuất nguồn gốc sản phẩm... Vì vậy, để đảm bảo được chất lượng các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý thì giải pháp trước mắt cần phải thực hiện đó là củng cố năng lực cho các tổ chức tập thể để các tổ chức này chủ động trong khâu kiểm soát nội bộ.

Thực tiễn ở Việt Nam trong thời gian qua cho thấy, ngoài việc công nhận một tên gọi đã tồn tại từ lâu, chúng ta hầu như chưa thực hiện được việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo quy trình và chuẩn của Châu Âu, vì vậy không đạt được hiệu quả mong muốn. Trong thời gian tới, cần triển khai sớm các giải pháp nói trên nhằm đáp ứng thực tiễn khách quan về bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo yêu cầu của

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU đã được thông qua ngày 4/8/2015. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Blakeney Michael (2001), *Proposals for the International Regulation of Geographical Indications*, The Journal of World Intellectual Property, Vol.4, No. 5, pp. 629.
2. OConnor Bernard (2003), *The Laws of Geographical Indications*, Cameron and May, London.
3. Sebastien Bouvatier, *GI and controls: the French experience*, in Regional Seminar in Control of GI, Hanoi, 23 June 2015.
4. Bộ Công Thương, *Kết quả đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và EU (Hiệp định EVFTA)*.
5. Quy chế Hội đồng (EC) số 510/2006 ngày 20.3.2006 về bảo hộ chỉ dẫn địa lý và nguồn gốc của nông sản và thực phẩm.

Summary

A matter of intellectual property which draws lots of efforts in negotiations for free trade agreements in general and EU – Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) in particular is the rights on geographical indications. Vietnam will recognize and protect 171 geographical indications of EU and EU will recognize and protect 41 geographical indications of Vietnam. Up to now, Vietnam has 42 registered geographical indications, but only Phu Quoc fish sauce has its controlling system, therefore, that Phu Quoc fish sauce is protected in EU market – a market with the longest history of protecting brands, originals and geographical indications with complete regulations and high implementation requirements – may bring opportunities but at the same time cause challenges to geographical indications of Vietnam in general and Phu Quoc fish sauce in particular.